

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 131/2018/HS-PT

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các Thẩm phán: ông Y Phi Kbuôr, ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Trang. Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2018/HS-PT ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Y S A Yun, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo Y S Ayun đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Y S Ayũn; Sinh năm: 1968 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Buôn K, xã C, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Ê đê; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Viên chức; Con ông Y B Niê và bà H B AYun; có vợ H M ADrong, sinh năm 1970 và 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

Trong vụ án còn có 02 bị cáo khác và người bị hại nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

H’B HMỗk, Y K BKrông và Y S Ayũn thường đi làm thủ tục đáo hạn ngân hàng cho người khác nên gặp và quen biết với nhau. Qua nói chuyện với Y S, H’B cho biết mình có 01 bộ hồ sơ gồm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 02 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu mang tên Y Ng ÊBan và H’L Niê trú tại buôn S, xã C, huyện CM và nhờ Y S tìm chỗ vay tiền. Y S xem hồ sơ và biết được

những giấy tờ này không phải của H'B nhưng vẫn đồng ý giúp cho H'B đến gặp ông Nguyễn Hùng L và bà Lưu Thị H, trú tại thôn 6, xã Ea, huyện CM để hỏi thế chấp giấy tờ trên vay tiền. Đến sáng ngày 11/9/2015 ông L thông báo cho H' B, Y S biết đã có tiền cho vay. Lúc này, H'B và Y K bàn bạc nhờ Y B Niê (người quen của Y K) đóng giả làm ông Y Ng, còn H'B sẽ đóng giả làm bà H'L để ký giấy vay tiền. Sau đó, H' B, Y K và Y B đi từ thành phố B xuống thị trấn Q, huyện CM. Khi đến thị trấn Q, Y K đi đến quán cà phê (không xác định được tên, địa chỉ) đợi, còn H'B, Y B cùng Y S vào quán cà phê G ở tổ dân phố 02, thị trấn Q gặp vợ chồng ông L. Tại đây, H'B viết giấy vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày và ký giả chữ ký của H'L, còn Y B ký giả chữ ký của Y Ng, Y S ký tên là người chứng kiến. Sau khi thoả thuận xong, vợ chồng ông L đưa cho H' B số tiền 91.500.000 đồng (đã trừ trước 8.500.000 đồng tiền lãi). Sau khi nhận tiền, H' B đưa cho Y S 15.000.000 đồng, Y B 2.000.000 đồng, Y K 5.000.000 đồng, còn lại 69.500.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã quyết định:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Y S Ayũn** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo.

Ngày 06/02/2018, bị cáo Y S Ayũn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Y S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Y S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người đúng tội. Mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt và đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo Y S đã cùng H B và Y R thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của người bị hại số tiền 91.500.000 đồng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Y S AYũn về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo e khoản 2 Điều 139BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Mức hình phạt 02 (Hai) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, số tiền bị cáo được chia ít hơn các bị cáo khác. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền 15.000.000đ cho cơ quan điều tra. Quá trình điều tra và tại các phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình còn nhiều khó khăn, nên không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tự rèn luyện dưới sự giám sát của gia đình, chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Do vậy, cần chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo, sửa bản án Hình sự sơ thẩm về hình phạt.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y S Ayũn. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar về hình phạt.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Áp dụng Điều 54; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Y S Ayũn** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện C M, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 96 Luật Thi hành án hình sự.

Về án phí: Bị cáo Y S Ayũn không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Công an huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Những người TGT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương